



tóu shì

头饰

noun · head ornament

Example Sentences

tā dài le yí ge piào liang de tóu shì
她戴了一个漂亮的头饰。

She wore a beautiful head ornament.

chuán tǒng hūn lǐ shàng xīn niáng huì pèi dài jīn sè tóu shì
传统婚礼上新娘会佩戴金色头饰。

At traditional weddings, the bride wears a gold head ornament.

Trace each character, then write the word on your own.

头	头	头	头	头	头	头	头				
饰	饰	饰	饰	饰	饰	饰	饰	饰	饰	饰	饰